

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----*-----
Bản án số: **06/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 09/01/2018
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm.

2. Ông Nguyễn Tấn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Duy Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 278/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Phan Thị Đ**, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số x/xxx ấp Đ, xã L, huyện C, Thành phố H.

- Bị đơn: **Huỳnh Duy T**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn xin ly hôn ngày 10/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị Đ trình bày:** Chị và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30/8/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc. Do anh T thường hay cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường hay cãi nhau. Cách đây khoảng 03 năm, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do anh T, tiếp tục cờ bạc, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, không trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Duy Long, sinh ngày 11/10/2004 và Huỳnh Duy Hải, sinh ngày 31/8/2011. Ly hôn chị Đ giao 02 con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Huỳnh Duy T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, chị Đ được ly hôn với anh T. Về con chung: Vợ chồng chị Đ có 02 con chung tên Huỳnh Duy L, sinh ngày xx/xx/xxxx và Huỳnh Duy H, sinh ngày xx/xx/xxxx. Giao anh T tiếp tục nuôi cháu Long và Hải. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn V cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 262, ngày 30/8/2004 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tố tụng: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh T.

Ngày 09/10/2017, chị Đ có Đơn xin vắng mặt do đi làm xa nhà xin nghỉ rất khó khăn. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh T. Nhận thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị là do anh T cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay cãi nhau và đã ly thân khoảng 03 năm nay, không trao đổi hàn gắn tình cảm. Hơn nữa, từ khi chị Đ xin ly hôn, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa để trình bày ý kiến, chứng tỏ anh T muốn bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không còn thiết tha hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng chị Đ, anh T có 02 con chung tên Huỳnh Duy L, sinh ngày xx/xx/xxxx và Huỳnh Duy H, sinh ngày xx/xx/xxxx. Chị Đ yêu cầu giao 02 con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu L và H sống với anh T ổn định, được chăm sóc chu đáo và đảm bảo cho sự phát triển của hai cháu. Còn chị Đ đi làm xa nhà, chỗ ở không ổn định. Đồng thời, theo nguyện vọng của cháu Long muốn

được sống với anh T (Bút lục 28). Do đó, yêu cầu của chị Đ là có cơ sở, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu Long và Hải cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không đến Tòa để trình bày yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Đ.

+ Chị Phan Thị Đ được ly hôn với anh Huỳnh Duy T.

- Về con chung:

+ Giao anh T tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Duy L, sinh ngày xx/xx/xxxx và Huỳnh Duy H, sinh ngày xx/xx/xxxx.

+ Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 45176 ngày 10/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Như vậy, chị Đ đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- UBND TT V;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An